**Phụ Lục II**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương tiện** | **Nội dung ghi nhãn** |
| 1 | **Máy bơm chữa cháy động cơ điện - Kiểu bơm ly tâm** | Phải chỉ thị chiều quay bằng một mũi tên đặt nổi có kết cấu Tấm nhãn phải được chế tạo bằng vật liệu chống ăn mòn thích hợp với điều kiện môi trường xung quanh tại nơi đặt bơm và phải được kẹp chặt chắc chắn với bơm.  Thông tin tối thiểu trên biển nhãn phải bao gồm số nhận dạng bơm (ví dụ, số loạt hoặc số sản phẩm) kiểu và cỡ kích thước.  Có thể cung cấp thêm không gian cho các thông tin bổ sung về lưu tốc, tổng cột áp của bơm, tốc độ bơm, đường kính bánh công tác (đường kính lớn nhất và đường kính lắp đặt), áp suất làm việc cho phép và nhiệt độ định mức của bơm.  Ngoài các thông tin, xuất hiện trên tấm nhãn, số loạt của bơm phải được dập trên vỏ bơm (ví dụ, đường kính ngoài của mặt bích ra của bơm) |
| **2** | **Máy bơm chữa cháy cố định động cơ đốt trong - Kiểu bơm ly tâm** | Phải chỉ thị chiều quay bằng một mũi tên đặt nổi có kết cấ Tấm nhãn phải được chế tạo bằng vật liệu chống ăn mòn thích hợp với điều kiện môi trường xung quanh tại nơi đặt bơm và phải được kẹp chặt chắc chắn với bơm.  Thông tin tối thiểu trên biển nhãn phải bao gồm số nhận dạng bơm (ví dụ, số loạt hoặc số sản phẩm) kiểu và cỡ kích thước.  Có thể cung cấp thêm không gian cho các thông tin bổ sung về lưu tốc, tổng cột áp của bơm, tốc độ bơm, đường kính bánh công tác (đường kính lớn nhất và đường kính lắp đặt), áp suất làm việc cho phép và nhiệt độ định mức của bơm.  Ngoài các thông tin, xuất hiện trên tấm nhãn, số loạt của bơm phải được dập trên vỏ bơm (ví dụ, đường kính ngoài của mặt bích ra của bơm) |
| **3** | **Bơm ly tâm chữa cháy loại khiêng tay dùng động cơ đốt trong- Kiểu bơm ly tâm** | - Biển nhãn phải được gắn chắc chắn vào bơm chữa cháy.  - Trên biển nhãn có tối thiểu các thông tin sau:  + Số nhận dạng (như số hiệu của sản phẩm ...);  + Kiểu;  + Năm sản xuất;  + Kích thước;  + Công suất bơm;  + Lưu lượng;  + Cột áp;  - Bơm chữa cháy và các bộ phận được cung cấp ở dạng tháo rời khỏi bơm chữa cháy phải được ghi nhãn, số hiệu nhận dạng một cách rõ ràng. |
| **4** | **Vòi chữa cháy** | Trên đầu phía ngoài của cuộn vòi đẩy phải có phiếu ghi:  - đường kính trong của vòi đẩy, mm;  - độ dài cuộn vòi đẩy, m;  - khối lượng cuộn vòi đẩy, kg;  - ngày, tháng, năm sản xuất.  Trên đầu phía trong của cuộn vòi đẩy phải ghi tên cơ sở sản xuất.  trên lớp vải bọc ngoài mỗi cuộn vòi đẩy phải dán nhãn, trên nhãn có ghi tối thiểu các thông tin sau:  - số hiệu của tiêu chuẩn này;  - đường kính trong của vòi đẩy, mm;  - độ dài cuộn vòi đẩy, m;  - khối lượng cuộn vòi đẩy, kg;  - ngày, tháng, năm bao gói.  Trên lớp vải bọc ngoài in dòng chữ “không được cẩu bằng móc nhọn”. |
| **5** | **Lăng chữa cháy** | 1. Số hiệu  2. Ngày sản xuất  3. Số sản xuất hoặc số lô |
| **6** | **Trụ nước chữa cháy** | Trên mỗi trụ nước phải được ghi rõ và đầy đủ các nội dung sau:  - Loại trụ nước;  - Năm sản xuất;  - Số hiệu tiêu chuẩn này;  Nhãn được gắn ở phía sau họng lớn đối với trụ nổi và ở thân dưới đối với trụ ngầm. |
| **7** | **Đầu nối chữa cháy** | - Trên mỗi đầu nối, ở chỗ dễ thấy phải có ký hiệu của cơ sở sản xuất và năm sản xuất.  Trên mặt không làm việc của vòng đệm phải có chữ nổi gồm:  - Loại vòng đệm;  - Năm sản xuất (2 số sau);  - Ký hiệu tiêu chuẩn. |
| **8** | **Bình chữa cháy xách tay** | - Các hướng dẫn về vận hành, nạp lại, kiểm tra và bảo dưỡng phải được ghi trên biển nhãn kim loại bằng cách khác hoặc dập nỗi hoặc biển nhãn gia công áp lực được gắn vào thành bên của thân bình chữa cháy, hoặc có dạng màng sơn mỏng in trực tiếp trên thân bình chữa cháy. Việc ghi nhãn phải nhận biết được bình chữa cháy về loại chất chữa cháy và phải bao gồm số của mẫu (model), công suất và sự phân loại bình chữa cháy.  - Việc ghi nhãn phải bao gồm cả số thứ tự theo loạt sản xuất.  - Năm sản xuất hoặc hai chữ số cuối cùng của năm dương lịch và áp suất thử tại nhà máy phải được ghi bền vững trên thân bình chữa cháy hoặc biển nhãn gắn cố định. Các bình chữa cháy được sản xuất trong ba tháng cuối cùng của năm dương lịch có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm sau và các bình chữa cháy được sản xuất trong ba tháng đầu của năm dương lịch có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm trước.  - Nếu nhà sản xuất chế tạo các bình chữa cháy ở nhiều nhà máy thì mỗi bình chữa cháy phải có một nhãn phân biệt để nhận biết nhà máy chế tạo.  - Nhãn phải bao gồm phạm vi nhiệt độ sử dụng của bình chữa cháy như "cho phép sử dụng ở nhiệt độ từ…đến…." hoặc tương đương.  - Nhãn phải bao gồm các nội dung sau hoặc tương đương:  a) Đối với các bình chữa cháy nạp lại được "Nạp lại ngay sau mỗi lần sử dụng";  b) Đối với các bình chữa cháy không nạp lại được "Loại bỏ ngay sau mỗi lần sử dụng". |
| **9** | **Bình chữa cháy có bánh xe** | - Các hướng dẫn về vận hành, nạp lại, kiểm tra và bảo dưỡng đối với bình chữa cháy có bánh xe phải có dạng tấm biển, băng kim loại được khắc mòn hoặc dập nổi hoặc tấm biển gia công áp lực được gắn vào mặt bên của thân bình chữa cháy. Nhãn phải nhận biết được bình chữa cháy về loại chất chữa cháy, số hiệu của mẫu (model) và phải bao gồm công suất định mức và phân loại bình chữa cháy.  - Mỗi bình chữa cháy phải có số seri  - Năm sản xuất hoặc hai chữ số cuối cùng của năm sản xuất theo dương lịch và áp suất thử tại nhà máy phải được ghi nhãn bền lâu trên thân bình chữa cháy hoặc trên tấm biển không di chuyển được. Các bình chữa cháy được sản xuất trong ba tháng cuối dương lịch có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm sau và các bình chữa cháy được sản xuất trong ba tháng đầu tiên của năm dương lịch có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm trước.  - Nếu nhà sản xuất chế tạo ra bình chữa cháy có bánh xe tại nhiều nhà máy thì mỗi bình chữa cháy phải có nhãn để phân biệt được nhà máy đã chế tạo ra bình chữa cháy này.  - Nhãn phải bao gồm tham chiếu về phạm vi nhiệt độ tại đó bình chữa cháy có thể sử dụng được như:  "Cho phép sử dụng ở nhiệt độ từ …..đến….." hoặc tương đương  - Lời cam kết  "Nạp lại ngay sau bất cứ sự sử dụng nào"  hoặc tương đương phải được đưa vào như một phần của nhãn. |
| **10** | **Bình chữa cháy tự động kích hoạt – Bình bột loại treo** | Bình bột chữa cháy tự động kích hoạt phải ghi những thông tin sau ở vị trí dễ nhìn và không dễ bị tẩy xóa:  - Định lượng  - Chủng loại và số hiệu của mẫu (type and model)  - Số chứng nhận (kiểm định) mẫu (model approval number)  - Năm, tháng, ngày sản xuất và nhà máy sản xuất  - Nhiệt độ tác động  - Diện tích bảo vệ danh nghĩa (L x L) (tại chiều cao lắp đặt tối đa không nhỏ hơn 2,5 m)  - Thành phần chính của bột chữa cháy và khối lượng  - Tổng khối lượng  - Thông tin về hướng dẫn vận hành, bảo quản, các cảnh báo, chú ý về lắp đặt, vận hành, bảo quản và kiểm tra bình chữa cháy  - Thời gian phun  - Hạn sử dụng  - Điều khoản liên quan đến bảo hành chất lượng (thời gian bảo hành, nội dung bảo hành, phương  pháp..., chứng nhận kiểm tra sản phẩm). |
| **11** | **Chất tạo bọt có độ nở thấp** | Các thông tin sau phải được người cung cấp đưa ra trong bản đặc tính kỹ thuật hoặc được cung cấp cùng với contenơ vận chuyển hoặc được ghi nhãn trên contenơ vận chuyển:  a) Ký hiệu (tên nhận biết) của chất tạo bọt và dòng chữ “Chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp”;  b) Cấp (I, II hoặc III) và mức (A, B, C hoặc D) của chất tạo bọt chữa cháy và chữ “tạo màng” nếu chất tạo bọt chữa cháy phù hợp với điều 11;  c) Nồng độ sử dụng khuyến nghị (thường là 1%, 3% hoặc 6%);  d) Bất kỳ xu hướng nào của chất tạo bọt gây ra các ảnh hưởng có hại cho sinh lý, các phương pháp quy định để tránh các ảnh hưởng đó và các biện pháp cấp cứu nếu chúng xảy ra;  e) Nhiệt độ bảo quản và nhiệt độ sử dụng khuyến nghị;  f) Nếu chất tạo bọt phù hợp với điều 5, dòng chữ “không bị tác động bởi đông đặc và hóa lỏng” hoặc nếu chất tạo bọt không phù hợp với điều 5, dòng chữ “không được làm đông đặc”;  g) Khối lượng danh nghĩa trong thùng chứa;  i) Số lô;  j) Dòng chữ “không thích hợp sử dụng với nước biển” hoặc “thích hợp sử dụng với nước biển”;  k) Bất kỳ độ ăn mòn nào của chất tạo bọt cả trong bồn chứa và trong sử dụng, mà vượt quá đáng kể so với nước ngọt;  l) Vật liệu thích hợp làm thùng chứa và thiết bị, dùng cho chất tạo bọt và dung dịch tạo bọt. |
| **12** | **Chất tạo bọt có độ nở trung bình và cao** | Các thông tin sau phải được người cung cấp đưa ra trong bản đặc tính kỹ thuật hoặc được cung cấp cùng với contenơ vận chuyển hoặc được ghi nhãn trên contenơ vận chuyển:  a) Ký hiệu (tên nhận biết) của chất tạo bọt và dòng chữ “Chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp”;  b) Cấp (I, II hoặc III) và mức (A, B, C hoặc D) của chất tạo bọt chữa cháy và chữ “tạo màng” nếu chất tạo bọt chữa cháy phù hợp với điều 11;  c) Nồng độ sử dụng khuyến nghị (thường là 1%, 3% hoặc 6%);  d) Bất kỳ xu hướng nào của chất tạo bọt gây ra các ảnh hưởng có hại cho sinh lý, các phương pháp quy định để tránh các ảnh hưởng đó và các biện pháp cấp cứu nếu chúng xảy ra;  e) Nhiệt độ bảo quản và nhiệt độ sử dụng khuyến nghị;  f) Nếu chất tạo bọt phù hợp với điều 5, dòng chữ “không bị tác động bởi đông đặc và hóa lỏng” hoặc nếu chất tạo bọt không phù hợp với điều 5, dòng chữ “không được làm đông đặc”;  g) Khối lượng danh nghĩa trong thùng chứa;  i) Số lô;  j) Dòng chữ “không thích hợp sử dụng với nước biển” hoặc “thích hợp sử dụng với nước biển”;  k) Bất kỳ độ ăn mòn nào của chất tạo bọt cả trong bồn chứa và trong sử dụng, mà vượt quá đáng kể so với nước ngọt;  l) Vật liệu thích hợp làm thùng chứa và thiết bị, dùng cho chất tạo bọt và dung dịch tạo bọt. |
| **13** | **Tủ trung tâm báo cháy** | Trung tâm báo cháy phải được ghi nhãn với thông tin sau, thông tin này phải dễ đọc ở mức truy cập 1:  a) Số hiệu của tiêu chuẩn này, TCVN 7568-1 (ISO 7240-1);  b) Số hiệu kiểu hoặc ký hiệu khác của trung tâm báo cháy.  Phải có khả năng nhận biết được mã hoặc số hiệu để biết thời gian sản xuất của trung tâm báo cháy ở mức truy cập 2. |
| **14** | **Tủ trung tâm điều khiển hệ thống chữa cháy khí** | Điều 7 EN-12094-1-2003 |
| **15** | **Đầu báo cháy khói kiểu điểm** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng với thông tin sau;  a) Viện dẫn tiêu chuẩn này [nghĩa là TCVN 7568-7 (ISO 7240 -7)];  b) Tên hoặc nhãn hiệu thương mại của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp;  c) Ký hiệu của mẫu (model) (kiểu hoặc số hiệu);  d) Dải giá trị ngưỡng kích hoạt đối với các đầu báo cháy sử dụng ánh sáng tán xạ hoặc ánh sáng truyền thẳng;  VÍ DỤ: (0,05 đến 3) dB/m hoặc (0,2 đến 0,6) dB/m.  e) Các ký hiệu đấu nối dây;  f) Một số dấu hiệu hoặc mã (ví dụ, số loạt hoặc mã của lô) nhờ đó nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày tháng, lô và địa điểm sản xuất, và số phiên bản của bất cứ phần mềm nào chứa trong đầu báo cháy.  Đối với các đầu báo cháy tháo lắp được, phần đầu của đầu báo cháy phải được ghi nhãn a), b), c) và f) và đế phải được ghi nhãn ít nhất là c) và e).  Khi bất cứ sự ghi nhãn nào trên thiết bị sử dụng các ký hiệu hoặc các chữ viết tắt không thông dụng, nên có giải thích cho các nhãn này trong các dữ liệu được cung cấp cùng với thiết bị.  Các nhãn phải nhìn thấy được trong quá trình lắp đặt đầu báo cháy và phải tiếp cận được trong quá trình bảo dưỡng.  Không được ghi nhãn trên các vít hoặc các chi tiết tháo ra được một cách dễ dàng. |
| **16** | **Đầu báo cháy nhiệt kiểu điểm** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng với các thông tin sau:  a) Số hiệu của tiêu chuẩn này, TCVN 7568-5 (ISO 7240-5);  b) Cấp của đầu báo cháy (ví dụ A1, A1R, A1S, A2, B, v.v). Nếu đầu báo cháy có phương tiện để điều chỉnh cấp tại hiện trường (xem 4.8) thì việc ghi nhãn của cấp có thể được thay thế bằng ký hiệu “P”;  c) Tên hoặc nhãn hiệu của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp;  d) Ký hiệu mẫu (model) (kiểu hoặc số hiệu);  e) Các ký hiệu của các đầu đấu dây;  f) Một số dấu hiệu hoặc mã (ví dụ, số loạt hoặc mã của lô) mà nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày hoặc lô và địa điểm chế tạo và số hiệu phiên bản của bất cứ phần mềm nào được cài đặt trong đầu báo cháy.  Đối với các đầu báo cháy tháo được thì ở phần đầu của đầu báo cháy phải được ghi nhãn a), b), c), d) và f) và phần đế phải được ghi nhãn ít nhất là d) và e).  Khi bất cứ sự ghi nhãn nào trên thiết bị sử dụng các ký hiệu hoặc chữ viết tắt không thông dụng thì chúng nên được giải thích trong dữ liệu được cung cấp cho thiết bị.  Nhãn phải nhìn thấy được trong quá trình lắp đặt đầu báo cháy và phải tiếp cận được trong quá trình bảo dưỡng.  Nhãn không được đặt trên các vít hoặc các chi tiết khác có thể tháo ra được một cách dễ dàng. |
| **17** | **Đầu báo cháy lửa kiểu điểm** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng, hoặc được cung cấp với thông tin sau:  + Viện dẫn tiêu chuẩn này, nghĩa là TCVN 7568-10 (ISO 7240-10);  + Ký hiệu mẫu (model) (kiểu hoặc số hiệu);  + Phân loại của đầu báo cháy, ví dụ cấp 1 (khi đầu báo cháy được phân loại là cấp 4, chỉ thị cấp 4 và khoảng cách như đã xác định trong 6.5.2.3);  + Định mức IP (nếu áp dụng được);  + Dấu hiệu hoặc mã, ví dụ số loạt hoặc mã của lô nhờ đó nhà sản xuất có thể nhận biết tối thiểu là ngày hoặc lô sản xuất và địa điểm sản xuất và số phiên bản của bất cứ phần mềm nào trong đầu báo cháy;  + Ký hiệu của các đấu nối dây;  + Góc thu như đã được xác định;  + Dải bước sóng vận hành, ví dụ UV, IR. |
| **18** | **Đầu báo cháy khói kiểu đường truyền sử dụng chùm tia chiếu quang học** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng với các thông tin sau.  + Viện dẫn tiêu chuẩn này [nghĩa là TCVN 7568-12 (ISO 7240 -12)].  + Ký hiệu của mẫu (model) (chữ hoặc số).  + Các ký hiệu của các đầu nối dây.  + Một số dấu hiệu hoặc mã (ví dụ, số loạt hoặc mã của lô) nhờ đó má nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày hoặc lô và địa điểm sản xuất, và số phiên bản của bất cứ phần mềm nào có trong đầu báo cháy. |
| **19** | **Đầu báo cháy kiểu điểm sử dụng cảm biến khói và cảm biến nhiệt** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng với các thông tin sau.  + Viện dẫn tiêu chuẩn này [nghĩa là TCVN 7568-12 (ISO 7240 -12)].  + Ký hiệu của mẫu (model) (chữ hoặc số).  + Các ký hiệu của các đầu nối dây.  + Một số dấu hiệu hoặc mã (ví dụ, số loạt hoặc mã của lô) nhờ đó má nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày hoặc lô và địa điểm sản xuất, và số phiên bản của bất cứ phần mềm nào có trong đầu báo cháy. |
| **20** | **Đầu báo cháy kiểu điểm sử dụng cảm biến cacbon monoxit kết hợp với cảm biến nhiệt** | Mỗi đầu báo cháy phải được ghi nhãn rõ ràng với các thông tin sau :  + Số hiệu của tiêu chuẩn này [nghĩa là TCVN 7568-8 (ISO 7240-8)];  + Ký hiệu của mẫu (model) (kiểu hoặc số hiệu);  + Ký hiệu của các đấu nối dây;  + Một số nhãn hoặc mã (ví dụ số loạt hoặc mã hoặc lô) nhờ đó mà nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày hoặc lô hoặc địa điểm sản xuất, và số của phiên bản chứa bất cứ phần mềm nào chứa trong đầu báo cháy;  + Tuổi thọ - thời hạn sử dụng dự kiến của cảm biến CO trong các điều kiện vận hành bình thường. |
| **22** | **Nút ấn báo cháy** | Mỗi hộp nút ấn báo cháy phải được ghi nhãn bền vững với các thông tin sau:  + Viện dẫn tiêu chuẩn này, nghĩa là TCVN 7568-11 (ISO 7240-11);  + Ký hiệu mẫu (model);  + Loại môi trường (các điều kiện trong nhà/ngoài nhà; các điều kiện môi trường đặc biệt);  + Ký hiệu của các đầu nối dây;  + Một số dấu hiệu hoặc mã, (ví dụ số loạt hoặc mã của lô) nhờ đó nhà sản xuất có thể nhận biết ít nhất là ngày hoặc lô sản xuất và địa điểm sản xuất và số phiên bản của bất cứ phần mềm nào được sử dụng trong hộp nút ấn báo cháy. |
|  | **Bình khí chữa cháy – phần chung** | Mỗi bình chứa khí halocacbon phải có biển nhãn cố định hoặc cách đánh dấu cố định khác chỉ rõ khí chữa cháy, khối lượng bì, khối lượng toàn bộ và mức nén quá áp (khi áp dụng). Mỗi bình chứa khí trơ phải có đánh dấu cố định chỉ định khí chữa cháy, mức nén của bình chứa và thể tích danh định. |
| **23** | **Đầu phun xả khí** | Các đầu phun phải được ghi nhãn bền vững để nhận diện nhà sản xuất và kích thước của lỗ phun. |
| **24** | **Đầu phun nước chữa cháy tự động Sprinkler** | Mỗi sprinkler tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn này phải được ghi nhãn như sau:  + ký hiệu model;  + ký hiệu phần tử nhả nếu có nhiều hơn một kiểu;  + dấu hiệu nhận biết nhà máy chế tạo nếu nhà sản xuất có nhiều hơn một cơ sở chế tạo sprinkler;  + chữ viết tắt của loại sprinkler và vị trí lắp đặt (xem điều 3);  + năm chế tạo danh nghĩa có bao gồm ba tháng cuối của năm trước và sáu tháng của năm tiếp theo;  + nhiệt độ làm việc danh nghĩa. |
| **25** | **Đầu phun nước chữa cháy tự động Drencher** | Mỗi sprinkler tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn này phải được ghi nhãn như sau:  + ký hiệu model;  + dấu hiệu nhận biết nhà máy chế tạo nếu nhà sản xuất có nhiều hơn một cơ sở chế tạo sprinkler;  + ký hiệu phần tử nhả nếu có nhiều hơn một kiểu;  + chữ viết tắt của loại sprinkler và vị trí lắp đặt (xem điều 3);  + năm chế tạo danh nghĩa có bao gồm ba tháng cuối của năm trước và sáu tháng của năm tiếp theo;  + nhiệt độ làm việc danh nghĩa. |
| **26** | **Van báo động (Alarm Valve)** | + số model, ký hiệu theo catalog hoặc dấu hiệu tương đương;  + tên cơ cấu, như “van báo động kiểu ướt”;  + chỉ dẫn chiều dòng chảy;  + cỡ danh nghĩa;  + áp suất làm việc lớn nhất tính bằng MPa (hoặc bar); nếu đầu nối cấp nước và/hoặc đầu nối cửa xả được gia công cắt gọt dùng cho các áp suất làm việc thấp hơn như trong 4.3.2 thì phải ghi nhãn giới hạn áp suất thấp hơn;  + số loạt (xêri) hoặc năm sản xuất, các van báo động kiểu ướt được sản xuất trong ba tháng cuối cùng của một năm theo lịch thì có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm sau; các van báo động kiểu ướt được sản xuất trong sáu tháng đầu của một năm theo lịch thì có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm trước;  + vị trí lắp đặt, nếu được giới hạn cho vị trí thẳng đứng hoặc nằm ngang;  + nhà máy đầu tiên, nếu được sản xuất ở hai hoặc nhiều nhà máy;  + tổn thất áp suất, nếu có yêu cầu (Xem 4.12). |
| **27** | **Van tràn ngập (Deluge Valve)** | + số model, ký hiệu theo catalog hoặc dấu hiệu tương đương;  + tên cơ cấu, như “van báo động kiểu ướt”;  + chỉ dẫn chiều dòng chảy;  + cỡ danh nghĩa;  + áp suất làm việc lớn nhất tính bằng MPa (hoặc bar); nếu đầu nối cấp nước và/hoặc đầu nối cửa xả được gia công cắt gọt dùng cho các áp suất làm việc thấp hơn như trong 4.3.2 thì phải ghi nhãn giới hạn áp suất thấp hơn;  + số loạt (xêri) hoặc năm sản xuất, các van báo động kiểu ướt được sản xuất trong ba tháng cuối cùng của một năm theo lịch thì có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm sau; các van báo động kiểu ướt được sản xuất trong sáu tháng đầu của một năm theo lịch thì có thể được ghi nhãn năm sản xuất là năm trước;  + vị trí lắp đặt, nếu được giới hạn cho vị trí thẳng đứng hoặc nằm ngang;  + nhà máy đầu tiên, nếu được sản xuất ở hai hoặc nhiều nhà máy;  + Tổn thất áp suất, nếu có yêu cầu (Xem 4.12). |
| **28** | **Công tắc áp lực, công tắc dòng chảy** | - Điện áp danh định (hoặc điện áp lớn nhất), V.  - Dòng điện danh định, A;  - Áp suất làm việc;  - Lưu lượng làm việc (Công tắc dòng chảy) |
| **29** | **Ống mềm bằng kim loại kết nối đầu phun trong hệ thống chữa cháy bằng nước** | Điều 15 PTTS 007 |
| **30** | **Ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler** | Tất cả các ống phải được ghi nhãn bằng mực/sơn hoặc in chìm trên thân với khoảng dãn cách không quá 3 m. Hình thức ghi nhãn phải đảm bảo rõ ràng và bền màu. Việc ghi nhãn phải bao gồm những thông tin sau:  + Số hiệu của tiêu chuẩn này;  + Nguyên liệu làm ống;  + Đường kính ngoài danh nghĩa  + Áp lực sử dụng lớn nhất;  Ngoài ra các thông tin sau cần phải được thể hiện trên ống hoặc nhãn phụ:  + Số lô sản xuất;  + Phương pháp thi công và nội dung chú ý khi sử dụng;  + Loại keo dán được phép sử dụng;  + Khoảng cách lắp đặt thiết bị cố định đường ống; |
| **31** | **Van ngăn cháy, Kính, vách, màn, rèm ngăn cháy** | Số giấy chứng nhận kiểm định mẫu, ngày, tháng, năm cấp giấy |
| **32** | **Ống tụt cứu người** | Mỗi ống tụt phải được ghi nhãn với các thông tin tối thiểu sau:  + Số hiệu của tiêu chuẩn này;  + Ký hiệu loại ống tụt;  + Kích thước ống tụt;  + Vật liệu chế tạo. |
| **33** | **Đệm hơi cứu người** | Mỗi đệm không khí cứu người phải được ghi nhãn với các thông tin tối thiểu sau:  + Tên sản phẩm: Đệm không khí cứu người  + Số hiệu của tiêu chuẩn này;  + Ký hiệu loại đệm không khí;  + Kích thước đệm không khí;  + Vật liệu chế tạo. |